

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-ST

Ngày 18-01-2021

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Việt

Ông Lê Thành Thật

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 96/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2018, về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 353/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 377/2020/QĐST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 38/2020/QĐST-DS, ngày 18/12/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP ngoại thương V N (VB). Địa chỉ trụ sở: 198 đường Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàng Kiếm, thành phố Hà Nội. Do ông Nghiêm Xuân Thành – Chủ tịch hội đồng quản trị làm đại diện.

1.1. *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*

1.1.1. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Trần Mãng - Giám đốc Ngân hàng TMCP ngoại thương V N (VB) – Chi nhánh An Giang (Theo Giấy ủy quyền số 182/UQ-VCB-PC ngày 28/3/2016 của Chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam). Ông Mãng ủy quyền lại cho: Ông Hoàng Quốc Thành – Phó trưởng phòng khách hàng Ngân hàng TMCP ngoại thương V N - Chi nhánh An Giang. Địa chỉ chi nhánh: Số 30-32 đường Hai Bà Trưng, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (Theo Giấy ủy quyền số 07/UQ-NHNT.AG ngày 05/02/2018 của Giám đốc Ngân hàng TMCP ngoại thương V N - Chi nhánh An Giang) – Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị U; sinh năm 1967

Ông Trịnh Văn N, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Ấp Vĩnh Hiệp, xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/02/2018, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP ngoại thương V N (VB) do ông Hoàng Quốc Thành - Phó trưởng phòng khách hàng Ngân hàng TMCP ngoại thương V N - Chi nhánh An Giang là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 29/5/2017, Ngân hàng TMCP ngoại thương V N (VB) thỏa thuận ký với ông Trịnh Văn N, bà Nguyễn Thị U hợp đồng tín dụng số 539/2017/VCB.AG ngày 29/5/2017, để cho ông N, bà U vay số tiền 550.000.000đ; mục đích vay: nuôi cá lóc; thời hạn vay 09 tháng; lãi suất cố định: 7%/năm trong thời hạn của hợp đồng tín dụng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi vay trong hạn; kỳ hạn trả nợ: Trả vốn cuối kỳ, trả lãi theo tháng.

Để đảm bảo khoản vay thì ông N, bà U đã ký với Ngân hàng TMCP ngoại thương V N – Chi nhánh An Giang hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 353/2017/VCB.AG ngày 29/5/2017, để thế chấp cho ngân hàng các tài sản gồm:

1. Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01409/QSDĐ/11, thửa số 741, 742, 744, 870; tờ bản đồ số 02, do Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn cấp ngày 12/4/2004 mang tên Huỳnh Văn Quang, Nguyễn Ngọc Thủy. Tại trang 04 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện phần diện tích đất này ông Quang, bà Thủy đã chuyển nhượng cho ông Trịnh Văn N, Nguyễn Thị U, do thành lập lại hệ thống bản đồ mới nên số thửa thay đổi lại là: Thửa 918, 919, 920, 921 tờ bản đồ số 34, diện tích 10.743m², (đất lúa) được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tri Tôn ký xác nhận ngày 25/5/2016.

2. Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03581, thửa 506; tờ bản đồ số 33, diện tích 7.693m², (đất lúa); do UBND huyện Tri Tôn cấp ngày 21/8/2014 cho ông Trịnh Văn N, Nguyễn Thị U.

Hợp đồng thế chấp được Văn phòng công Tri Tôn công chứng ngày 31/5/2017 và đăng ký đảm bảo tại Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Tri Tôn ngày 01/6/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông N, bà U không thực nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký cụ thể: ông N, bà U còn nợ vốn gốc: 550.000.000đ; nợ lãi tạm tính đến ngày 31/1/2018, là 29.186.164đ.

Nên Ngân hàng TMCP ngoại thương V N khởi kiện yêu cầu ông Trịnh Văn N, bà Nguyễn Thị U có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng với nợ gốc: 550.000.000đ; tiền lãi tạm tính đến ngày 31/01/2018 là: 29.186.164đ và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 01/02/2018 theo hợp đồng tín dụng hợp đồng tín dụng cho vay từng lần ngắn

hạn số 539/2017/VCB.AG ngày 29/5/2017, mà ông N, bà U đã ký với Ngân hàng.

Đồng thời yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 353/2017/VCB.AG ngày 29/5/2017 giữa Ngân hàng TMCP ngoại thương V N – Chi nhánh An Giang với ông Trịnh Văn N, Nguyễn Thị U để đảm bảo việc thi hành án.

Các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/11/2018; 15/01/2021 thể hiện: Diện tích đất 10.743m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01409/QSĐĐ/II, thửa số 741, 742, 744, 870; tờ bản đồ số 02, do Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn cấp ngày 12/4/2004 mang tên Huỳnh Văn Quang, Nguyễn Ngọc Thủy. Tại trang 04 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện phần diện tích đất này ông Quang, bà Thủy đã chuyển nhượng cho ông Trịnh Văn N, Nguyễn Thị U, do thành lập lại hệ thống bản đồ mới nên số thửa thay đổi lại là: Thửa 918, 919, 920, 921 tờ bản đồ số 34, diện tích 10.743m², (đất lúa) được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tri Tôn ký xác nhận ngày 25/5/2016 và diện tích đất 7.963m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03581, thửa 506; tờ bản đồ số 33, do UBND huyện Tri Tôn cấp ngày 21/8/2014 cho ông Trịnh Văn N, Nguyễn Thị U mà ông N, bà U đã thế chấp cho Ngân hàng vẫn thuộc quyền quản lý sử dụng của ông N, bà Út. Trên đất hiện đang trồng lúa nhưng không rõ ai là người canh tác.

Bị đơn ông Trịnh Văn N, Nguyễn Thị U vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa sơ thẩm:**

Ông Hoàng Quốc Thành là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện: Buộc ông Trịnh Văn N, bà Nguyễn Thị U có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP ngoại thương V N số tiền vốn gốc: 550.000.000đ; nợ lãi tạm tính đến ngày 18/01/2021, lãi trong hạn: 177.827.808đ; lãi quá hạn: 72.332.534đ và lãi phát sinh kể từ ngày 19/01/2021 cho đến khi ông N, bà U trả hết nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng cho vay từng lần ngắn hạn số 539/2017/VCB.AG ngày 29/5/2017 mà bà Út, ông N đã ký với Ngân hàng.

Đồng thời yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 353/2017/VCB.AG ngày 29/5/2017 giữa Ngân hàng TMCP ngoại thương V N – Chi nhánh An Giang với ông Trịnh Văn Út, Nguyễn Thị Nhen để đảm bảo việc thi hành án.

Bị đơn ông Trịnh Văn N, Nguyễn Thị U vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam.

Buộc bị đơn ông N, bà U có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tiền vốn và lãi phát sinh đến khi trả hết nợ. Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 353/2017/VCB.AG ngày 29/5/2017 giữa Ngân hàng TMCP ngoại thương V N – Chi nhánh An Giang với ông Trịnh Văn N, Nguyễn Thị U để đảm bảo việc thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP ngoại thương V N (VB). Địa chỉ trụ sở: 198 đường Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàng Kiếm, thành phố Hà Nội. Do ông Nguyễn Xuân Thành – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị làm đại diện. Ông Thành ủy quyền cho ông Bùi Trần Mãng - Giám đốc Ngân hàng TMCP ngoại thương V N (VB) – Chi nhánh An Giang (Theo Giấy ủy quyền số 182/UQ-VCB-PC ngày 28/3/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam). Ông Mãng ủy quyền lại cho: Ông Hoàng Quốc Thành – Phó trưởng phòng khách hàng Ngân hàng TMCP ngoại thương V N - Chi nhánh An Giang (Theo Giấy ủy quyền số 07/UQ-NHNT.AG ngày 05/02/2018 của Ngân hàng TMCP ngoại thương V N - Chi nhánh An Giang) thủ tục ủy quyền phù hợp với Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn ông Trịnh Văn N, bà Nguyễn Thị U mặc dù được tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ lần thứ hai theo quy định của pháp luật nhưng vẫn không tham dự phiên tòa, do đó, căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP ngoại thương V N (VB) khởi kiện đối với ông Trịnh Văn N, bà Nguyễn Thị U yêu cầu trả tiền vốn vay và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 539/2017/VCB.AG ngày 29/5/2017. Theo thỏa thuận giữa hai bên: Nếu phát sinh tranh chấp các bên thống nhất lựa chọn tòa án nơi Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang đặt trụ sở tại thời điểm nộp đơn khởi kiện, do Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang có trụ sở chi nhánh trên địa bàn thành phố Long Xuyên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; hợp đồng thể hiện mục đích vay của ông N, bà U là nuôi cá lóc, đây là tranh chấp về dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Ngày 29/5/2017 Ngân hàng TMCP ngoại thương V N (VB) thỏa thuận ký với ông Trịnh Văn N, bà Nguyễn Thị U hợp đồng tín dụng số 539/2017/VCB.AG ngày 29/5/2017, để cho ông N, bà U vay số tiền

550.000.000đ; mục đích vay: nuôi cá lóc; thời hạn vay 09 tháng; lãi suất cố định: 7%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi vay trong hạn; kỳ hạn trả nợ: Trả vốn cuối kỳ, trả lãi hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông N, bà U đã không trả vốn, lãi đúng theo hợp đồng tín dụng cụ thể như sau: nợ vốn gốc: 550.000.000đ; lãi tạm tính đến ngày 18/01/2021; lãi trong hạn: 177.827.808đ; lãi quá hạn: 72.332.534đ.

Thời gian qua, Ngân hàng nhiều lần thông báo yêu cầu ông N, bà U thanh toán nợ gốc và lãi nhưng ông N, bà U vẫn không thực hiện. Nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N, bà U có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền vốn và lãi theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

Qua xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Xét hợp đồng tín dụng:* Căn cứ vào nội dung tại hợp đồng tín dụng cho vay từng lần ngắn hạn số 539/2017/VCB.AG ngày 29/5/2017, thì việc ký kết hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện giữa Ngân hàng TMCP ngoại thương V N (VB) với ông Trịnh Văn N, bà Nguyễn Thị U, nội dung và hình thức hai hợp đồng nêu trên phù hợp với Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực đối với các bên tham gia. Do ông N, bà U vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông N, bà U phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP ngoại thương V N số tiền vốn là 550.000.000đ (năm trăm năm chục triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Đối với tiền lãi: Tính đến ngày 18/01/2021; tiền lãi trong hạn: 177.827.808đ; lãi quá hạn: 72.332.534đ, theo hợp đồng tín dụng cho vay từng lần ngắn hạn số 539/2017/VCB.AG ngày 29/5/2017. Xét lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là phù hợp với lãi suất quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ông N, bà U là người tự nguyện ký kết Hợp đồng tín dụng nên ngân hàng yêu cầu ông N, bà U có nghĩa vụ trả lãi theo hai hợp đồng tín dụng nêu trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

Như vậy ông N, bà U phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP ngoại thương V N tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 18/01/2021, tiền lãi trong hạn: 177.827.808đ; lãi quá hạn: 72.332.534đ và tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 19/01/2021 đối với tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ cho ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký.

- *Xét hợp đồng thế chấp:* Để đảm bảo cho khoản vay thì ông N, bà U có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 353/2017/VCB.AG ngày 29/5/2017 với Ngân hàng TMCP ngoại thương V N – Chi nhánh An Giang tài sản thế chấp gồm:

1. Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01409/QSDĐ/1I, thửa số 741, 742, 744, 870; tờ bản đồ số 02, do Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn cấp ngày 12/4/2004 mang tên Huỳnh Văn Quang, Nguyễn Ngọc Thủy. Tại trang 04 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện phần diện tích đất này ông

Quang, bà Thủy đã chuyển nhượng cho ông Trịnh Văn N, Nguyễn Thị U, do thành lập lại hệ thống bản đồ mới nên số thửa thay đổi lại là: Thửa 918, 919, 920, 921 tờ bản đồ số 34, diện tích 10.743m², (đất lúa) được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tri Tôn ký xác nhận ngày 25/5/2016.

2. Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03581, thửa 506; tờ bản đồ số 33, diện tích 7.693m², (đất lúa); do UBND huyện Tri Tôn cấp ngày 21/8/2014 cho ông Trịnh Văn N, Nguyễn Thị U.

Hợp đồng thế chấp được Văn phòng công Tri Tôn công chứng ngày 31/5/2017 và đăng ký đảm bảo tại Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Tri Tôn ngày 01/6/2017.

Nhận thấy hợp đồng thế chấp số 353/2017/VCB.AG ngày 29/5/2017, giữa ngân hàng với ông N, bà U được ký kết trên cơ sở tự nguyện giữa các bên được công chứng tại Văn phòng công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tri Tôn là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 169; điểm g khoản 1 Điều 179 Luật Đất đai năm 2013 và điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm nên được công nhận. Do đó, đối với yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 353/2017/VCB.AG ngày 29/5/2017 để đảm bảo cho việc thi hành án của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/11/2018; 15/01/2021 thể hiện: Diện tích đất 10.743m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01409/QSDĐ/1I, thửa số 741, 742, 744, 870; tờ bản đồ số 02, do Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn cấp ngày 12/4/2004 mang tên Huỳnh Văn Quang, Nguyễn Ngọc Thủy. Tại trang 04 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện phần diện tích đất này ông Quang, bà Thủy đã chuyển nhượng cho ông Trịnh Văn N, Nguyễn Thị U, do thành lập lại hệ thống bản đồ mới nên số thửa thay đổi lại là: Thửa 918, 919, 920, 921 tờ bản đồ số 34, diện tích 10.743m², (đất lúa) được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tri Tôn ký xác nhận ngày 25/5/2016 và 7.963m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03581, thửa 506; tờ bản đồ số 33, do UBND huyện Tri Tôn cấp ngày 21/8/2014 cho ông Trịnh Văn N, Nguyễn Thị U mà ông N, bà U đã thế chấp cho Ngân hàng vẫn thuộc quyền quản lý sử dụng của ông N, bà U. Trên đất hiện đang trồng lúa nhưng không rõ ai là người canh tác nên không thể xác định được người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để đưa vào tham gia tố tụng, do đó không xem xét giải quyết nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:*

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP ngoại thương V N được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Trịnh Văn N, bà Nguyễn Thị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ: 3.000.000đ (ba triệu đồng), số tiền này Ngân hàng TMCP ngoại thương V N đã tạm ứng. Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP ngoại thương V N được chấp nhận nên ông Trịnh Văn N, bà Nguyễn Thị U phải chịu chi phí này. Vì vậy ông N, bà U có nghĩa vụ hoàn lại chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng TMCP ngoại thương V N số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 318, Điều 319, Điều 323, Điều 342, Điều 343, Điều 348, Điều 349, Điều 355, Bộ luật Dân sự năm 2005;

Khoản 14 và khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010.

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP ngoại thương V N (VB) đối với ông Trịnh Văn N, bà Nguyễn Thị U.

Buộc bị đơn ông Trịnh Văn N, bà Nguyễn Thị U có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP ngoại thương V N (VB) số tiền 800.160.342đ (tám trăm triệu một trăm sáu chục nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó: tiền vốn gốc 550.000.000đ (năm trăm năm chục triệu đồng); lãi tạm tính đến ngày 18/01/2021, lãi trong hạn 177.827.808đ (một trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm lẻ tám đồng); lãi quá hạn: 72.332.534đ (bảy mươi hai triệu ba trăm ba mươi hai nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng).

Kể từ ngày ngày 19/01/2021, bị đơn ông Trịnh Văn N, bà Nguyễn Thị U còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2] Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số 353/2017/VCB.AG ngày 29/5/2017, đã được công chứng tại Văn phòng Tri Tôn, tỉnh An Giang và

đăng ký bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tri Tôn ngày 01/6/2017 để đảm bảo cho việc thi hành án.

[3] Về chi phí tố tụng khác: Ông Trịnh Văn N, bà Nguyễn Thị U có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP ngoại thương V N chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trịnh Văn N, bà Nguyễn Thị U liên đới chịu 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng), án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP ngoại thương V N (VB) được nhận lại 13.584.000đ (mười ba triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008214 ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP ngoại thương V N (VB) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Trịnh Văn N, bà Nguyễn Thị U được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND thành phố Long Xuyên;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Phương Quyền